

Số: ~~55~~/2013/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 16 tháng 10 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định hạn mức đất ở và hạn mức công nhận đất ở có vườn, ao đối với hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 134/2009/QĐ-UBND ngày 15/12/2009 của UBND tỉnh Bắc Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 675/TTr-TNMT ngày 07 tháng 10 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định hạn mức đất ở và hạn mức công nhận đất ở có vườn, ao đối với hộ gia đình cá nhân trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 134/2009/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2009 của UBND tỉnh Bắc Giang như sau:

1. Sửa đổi tên gọi của Điều 3 và sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 3 như sau:

a) Sửa đổi tên gọi Điều 3 như sau:

“Điều 3. Hạn mức giao đất ở mới đối với hộ gia đình, cá nhân.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và khoản 4 Điều 3 như sau:

”3. Đất ở nông thôn không thuộc quy định tại khoản 2 Điều này:

a) Xã trung du; xã miền núi thuộc thành phố Bắc Giang: không quá 300 m²;

b) Xã miền núi: không quá 360 m².

4. Hạn mức giao đất ở mới quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này chỉ áp dụng khi nhà nước giao đất ở mới (trường hợp không phải đấu giá quyền sử dụng đất) cho hộ gia đình, cá nhân. Việc xác định hạn mức đất ở đối với trường hợp

thửa đất ở có vườn, ao theo Điều 87 Luật Đất đai năm 2003 thực hiện theo Điều 4 Quy định này.”.

2. Sửa đổi tên gọi của Điều 4, sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 4 như sau:

a) Sửa đổi tên gọi Điều 4 như sau:

“Điều 4. Hạn mức công nhận đất ở đối với trường hợp thửa đất ở có vườn, ao.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 4 như sau:

“4. Đối với thửa đất ở có vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở được hình thành trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 mà người sử dụng đất không có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 thì diện tích đất ở được xác định như sau:

a) Tại các xã, phường thuộc thành phố Bắc Giang; các xã, thị trấn trung du: diện tích công nhận là đất ở không quá 300 m²;

b) Tại các xã miền núi và thị trấn miền núi: diện tích công nhận là đất ở không quá 360 m².”.

3. Sửa đổi Điều 6 như sau:

“Tỷ lệ diện tích được xây dựng nhà ở phải đảm bảo quy chuẩn về xây dựng và được cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng cấp phép.”.

4. Sửa đổi, bổ sung tên gọi của Điều 8; sửa đổi khoản 2 Điều 8 và bổ sung khoản 3 vào Điều 8 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tên gọi Điều 8 như sau:

“Điều 8. Xử lý đối với trường hợp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ gia đình, cá nhân; trường hợp đã thu hồi và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.”.

b) Sửa đổi khoản 2 Điều 8 như sau:

“2. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở có vườn, ao có các điều kiện như quy định tại Điều 4 Quy định này mà có nhu cầu điều chỉnh về diện tích đất ở làm đơn gửi UBND cấp xã (kèm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp). Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc UBND cấp xã có trách nhiệm: thẩm tra, xác nhận vào đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất; gửi hồ sơ tới UBND cấp huyện để cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới được cấp cho hộ gia đình, cá nhân sau khi hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định.”.

c) Bổ sung khoản 3 Điều 8 như sau:

“3. Đối với trường hợp đã xác định diện tích đất ở có vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở mà thửa đất đó Nhà nước đã thu hồi và thực hiện xong việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hoặc đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và

tái định cư và đã gửi văn bản thông báo trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo phương án đã được phê duyệt đến các hộ gia đình, cá nhân trước khi Quyết định này có hiệu lực thì thực hiện theo phương án đã phê duyệt, không áp dụng điều chỉnh lại theo Quyết định này.

Đối với những thửa đất ở có vườn, ao đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã nộp tiền chuyển mục đích sử dụng đất phần diện tích vượt hạn mức trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì hành thì không được truy hoàn số tiền đã nộp khi xác định lại hạn mức công nhận theo Quyết định này.”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND huyện, thành phố và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: N

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Cục kiểm tra VB Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- TT. Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- VP. Tỉnh ủy, các cơ quan thuộc Tỉnh ủy;
- VP. Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; các Ban HĐND tỉnh;
- UB. MTTQ và các đoàn thể nhân dân tỉnh;
- Viện KSND tỉnh, TAND tỉnh, Cục THADS tỉnh;
- Báo Bắc Giang, Đài PTTT tỉnh;
- VP UBND tỉnh:
 - + LĐVP, các chuyên viên, TT TH - công báo;
 - + Lưu: VT, TN (5).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lại Thanh Sơn